

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 88/2026/KDTM-ST

Ngày: 05-8-2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Quốc Quân

2/ Ông Nguyễn Thanh Cần.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Ngọc T** - Kiểm sát viên.

Ngày 05/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 84/2026/TLST-KDTM Ngày 08 tháng 4 năm 2026 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-KDTM ngày 04 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2025/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH V; Địa chỉ: số A đường T, tổ F, khu phố T, phường P, tỉnh Đồng Nai nay là Thành phố Đ. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1988, địa chỉ: 4, tổ A, khu B, phường T, tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đ) theo Giấy ủy quyền số 01/2025-GUQ ngày 20/10/2025. Có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N; Địa chỉ: Thửa đất 167, tờ bản đồ 59, Đường Đ, khu phố G, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Huỳnh Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH N (sau đây gọi tắt là Công ty N) có mua hàng hoá là Xơ Polyester của Công ty TNHH V (sau đây gọi tắt là “Công ty ECO”). Việc mua bán không ký hợp đồng bằng văn bản mà bằng hình thức đặt hàng trực tiếp, quá trình bán hàng Công ECO đã xuất các hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) theo các đợt đặt hàng như sau:

- Hoá đơn GTGT số 1792 ngày 07/10/2024 với tổng giá trị 62.909.000 đồng;
- Hóa đơn GTGT số 1901 ngày 19/10/2024 với tổng giá trị 52.375.180 đồng;
- Hoá đơn GTGT số 2003 ngày 31/10/2024 với tổng giá trị 50.731.780 đồng;
- Hoá đơn GTGT số 2043 ngày 06/11/2024 với tổng giá trị 31.613.120 đồng.

Sau khi giao hàng xong, gửi hoá đơn nhập chờ khách hàng xác nhận hoá đơn. Sau khi khách hàng xác nhận thì phát hành hoá đơn GTGT điện tử có mã cơ quan thuế và gửi hoá đơn đã xuất qua zalo cho khách hàng.

Công ty N đã thanh toán một phần số tiền hàng là 122.909.000 đồng của các hoá đơn GTGT sau đây: Ngày 13/12/2024 thanh toán số tiền 62.909.000 đồng của hoá đơn GTGT số 1792 ngày 07/10/2024; Ngày 03/07/2025 thanh toán số tiền 60.000.000 đồng gồm của 02 (hai) hoá đơn là hoá đơn GTGT số 1901 ngày 19/10/2024 số tiền 52.375.180 đồng và một phần hoá đơn GTGT số 2003 ngày 31/10/2024 số tiền 7.624.820 đồng.

Công ty N còn nợ tiền hàng hoá đơn GTGT số 2003 ngày 31/10/2024 số tiền 43.106.960 đồng và hoá đơn GTGT số 2043 ngày 06/11/2024 số tiền 31.613.120 đồng. Tổng cộng tiền hàng Công ty N còn nợ là 74.720.080 đồng nhưng đến nay chưa thanh toán mặc dù Công ty V đã yêu cầu nhiều lần.

Nhận thấy, việc Công ty N chậm thanh toán tiền mua hàng đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty. Do vậy, TNHH V có đơn khởi kiện đối với Công ty N yêu cầu Công ty TNHH N bồi yêu cầu Toà án Buộc Công ty N thanh toán một lần và số tiền lãi chậm trả như sau:

- Hoá đơn GTGT số 2003 ngày 31/10/2024 số tiền 43.106.960 đồng tính lãi từ ngày 29/11/2024 đến ngày 05/8/2026 (ngày xét xử sơ thẩm) là 20 tháng 7 ngày x 10%/năm = 7.356.914 đồng

- Hoá đơn GTGT số 2043 ngày 06/11/2024 số tiền 31.613.120 đồng tính lãi từ ngày 06/12/2024 đến ngày 05/8/2026 20 là 20 tháng x 10%/năm = 5.247.777 đồng.

Tổng cộng tiền lãi tính đến ngày 20/10/2025 là 12.604.691 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH N đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử

căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không tham gia tố tụng là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Các đương sự đều có tư cách pháp nhân, tranh chấp với nhau hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận, bị đơn có trụ sở tại phường P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt xem như bị đơn tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giải quyết vắng mặt các đương sự.

[3] Về ký kết thực hiện hợp đồng: Căn cứ Hợp đồng kinh tế, Hoá đơn giá trị gia tăng, Bản đối chiếu công nợ, Biên bản thoả thuận do nguyên đơn giao nộp có cơ sở xác định giữa nguyên đơn, bị đơn có quan hệ mua bán hàng hoá với nhau và bị đơn còn nợ tiền hàng theo Hoá đơn GTGT số 2003 ngày 31/10/2024 và Hoá đơn GTGT số 2043 ngày 06/11/2024 với số tiền nợ là 74.720.080 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng không có ý kiến phản bác cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ thể hiện đã thanh toán xong tiền hàng cho

nguyên đơn, do đóm bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình theo qui định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó có cơ sở xác định bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn nên phải có nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 của Luật Thương mại.

[4] Về tiền lãi do chậm thanh toán: Bị đơn chưa thanh toán tiền hàng cho nguyên đơn nên phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán. Các đương sự có không có thoả thuận thời hạn thanh toán cho nên nguyên đơn xác định thời hạn thanh toán là 30 ngày kể từ ngày xuất hoá đơn là đúng qui định của pháp luật. Theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại, mức lãi suất để tính là lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm là có lợi cho bị đơn nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích, nhận định nêu trên xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH V về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” Công ty TNHH N;

Buộc Công ty TNHH N phải thanh toán cho Công ty TNHH V số tiền nợ gốc là 74.720.080 đồng (Bảy mươi bốn triệu bảy trăm hai mươi ngàn không trăm tám mươi đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 12.604.691 đồng (Mười hai triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm chín mươi một đồng). Tổng cộng là: 87.324.771 đồng (Tám mươi bảy triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm:

-Buộc Công ty TNHH N phải chịu 4.366.239 đồng (Bốn triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn hai trăm ba mươi chín đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH V tiền tạm ứng án phí 2.032.000 đồng đã nộp theo lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017234 ngày 20/3/2026 Thi hành án dân sự Thành phố H.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Tâm